

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 30/2023/NQ-HĐND

Kon Tum, ngày 11 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KON TUM KHÓA XII KỲ HỌP THỨ 5

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 18 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc

gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Thực hiện Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 03 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Xét Tờ trình số 80/TTr-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021- 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo số 217/BC-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tiếp thu, giải trình ý kiến thảo luận của các Tổ đại biểu, thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào

dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a, khoản 1.2 mục 1 (Tiểu Dự án 1) của Phụ lục 3, như sau:

“1.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

a) Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan (trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh): Không quá 26,03% tổng số vốn của tiểu dự án (*Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn không quá 16,84%, Ban Quản lý Vườn quốc gia Chư Mom Ray không quá 6,86%, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Plông không quá 1,2%, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sa Thầy không quá 1,13%*)”.

2. Sửa đổi, bổ sung mục 2 (Tiểu dự án 2) của Phụ lục 3, như sau:

“2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2.1. Phân bổ vốn đầu tư:

a) Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: Không.

b) Phân bổ vốn cho Ủy ban nhân dân huyện Tu Mơ Rông 100% tổng số vốn của tiểu dự án để thực hiện Dự án Trung tâm nhân giống, bảo tồn và phát triển dược liệu ứng dụng công nghệ cao.

2.2. Phân bổ vốn sự nghiệp

- Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: Không quá 9% tổng số vốn của tiểu dự án để xây dựng mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (*Ban Dân tộc không quá 1%, Sở Công Thương không quá 0,7%, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn không quá 5,8%, các cơ quan: Liên Minh Hợp tác xã tỉnh, Tỉnh đoàn, Hội Nông dân tỉnh, cơ quan, đơn vị khác... mỗi cơ quan không quá 0,5%*).

- Phân bổ cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

* Phân bổ vốn Hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý: Không quá 10% tổng số vốn sự nghiệp của tiểu dự án cho huyện Tu Mơ Rông.

* Phân bổ vốn phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư.

+ Nhóm tiêu chí cơ bản: xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn.

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã đặc biệt khó khăn (xã khu vực III)	28	a	28 x a
2	Mỗi thôn đặc biệt khó khăn không thuộc xã khu vực III (<i>Số thôn đặc biệt khó khăn được tính điểm phân bổ vốn không quá 4 thôn/xã</i>)	5	b	5 x b
	Tổng cộng điểm			A_{k,i}

+ Nhóm tiêu chí ưu tiên đối với xã đặc biệt khó khăn hơn:

• Tiêu chí xã đặc biệt khó khăn đồng thời là xã ATK hoặc xã biên giới đất liền:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Xã đặc biệt khó khăn đồng thời là xã ATK hoặc xã biên giới đất liền	2	a	2 x a
	Tổng cộng điểm			B_{k,i}

• Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo của xã đặc biệt khó khăn

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã đặc biệt khó khăn	0,15	a	0,15 x a
	Tổng cộng điểm			C_{k,i}

Xã đặc biệt khó khăn được xác định theo Quyết định 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 (*Quyết định số 861/QĐ-TTg*) và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); xã ATK, xã biên giới được xác định theo Quyết định của cấp có thẩm quyền; thôn đặc biệt khó khăn không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 (*Quyết định số 612/QĐ-UBND*) và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); tỷ lệ hộ nghèo của từng xã thuộc diện đầu tư của Chương trình được xác định theo số liệu để phân định xã khu vực III, khu vực II, khu vực I vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định 861/QĐ-TTg.

Tổng số điểm $X_{k,i}$ của địa phương thứ k được xác định trên cơ sở cộng điểm theo các tiêu chí: $X_{k,i} = A_{k,i} + B_{k,i} + C_{k,i}$.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2.2, mục 2 (Tiểu dự án 2) của Phụ lục 5, như sau:

“2.2. Phân bổ vốn sự nghiệp

a) Nội dung 01: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc và tiếng dân tộc thiểu số

- Phân bổ vốn cho sở, ban, ngành: 100% tổng số vốn nội dung số 01 của tiểu dự án (*Ban Dân tộc không quá 44%, Công an tỉnh không quá 15% để thực hiện nội dung bồi dưỡng kiến thức dân tộc; Sở Giáo dục và Đào tạo không quá 41% để thực hiện nội dung bồi dưỡng kiến thức dân tộc và bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số*).

- Phân bổ vốn cho các địa phương: Không.

b) Nội dung 02: Đào tạo đại học, sau đại học

- Phân bổ vốn cho sở, ban, ngành: 100% tổng số vốn nội dung số 02 của tiểu dự án (*Sở Giáo dục và Đào tạo không quá 90,2% để thực hiện nội dung đào tạo đại học; Sở Nội vụ không quá 9,8% để thực hiện nội dung đào tạo sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số*).

- Phân bổ vốn cho các địa phương: Không

Số lượng sinh viên và nội dung chi cụ thể theo thực tế được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi được xác định theo Quyết định 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); huyện thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chưa tự cân đối được ngân sách”.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức thực hiện.

3. Đối với kế hoạch vốn năm 2023 đã phân bổ theo quy định của Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND để thực hiện các dự án, tiểu dự án và đã có khối lượng thực hiện thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND. Riêng nội dung điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2022 và năm 2023 để thực hiện nội dung Hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Tiểu dự án 2, Dự án 3 thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này.

4. Đối với kế hoạch vốn năm 2023 đã phân bổ theo quy định của Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND để thực hiện các dự án, tiểu dự án nhưng chưa triển khai, chưa có khối lượng thực hiện thì thực hiện theo quy định của Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Khóa XII Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 07 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận: *Dum*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu Quốc hội;
- Bộ Tư pháp (*Cục kiểm tra văn bản QPPL*);
- Ủy ban dân tộc;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Kon Tum;
- Đài PT-TH tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐ.

CHỦ TỊCH



Dương Văn Trang